

Bản án số: 424/2020/HS-ST
Ngày: 25-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Lê Hải Lý

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 440/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4809/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ; sinh năm: 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 324A/18 đường D, Phường M, Quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1 và bà Lương Thị H; tiền sự: không có; tiền án: ngày 08/7/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2008/HSST); nhân thân:

+ Ngày 16/5/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 796/HSST);

+ Ngày 19/01/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 15/HSST);

+ Ngày 28/02/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2012/HSST);

Bị bắt, tạm giam ngày: 05/3/2020;

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Kim T.H (quốc tịch: Hàn Quốc), sinh năm: 1971; nơi lưu trú tại Việt Nam: P3.06 Hostel The Joy, số 229/9 đường Đ, Phường P, Quận M, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Bùi Kim C, sinh năm: 1992; nơi cư trú: 255 đường N, Phường C, Quận M, Thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 04/01/2020, khi điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59L2-AAA.BB lưu thông trên đường Trần Hưng Đạo, Quận 1 thì bị cáo trông thấy ông Kim T.H đang đi bộ đến trước nhà số 95 đường Trần Hưng Đạo và trên tay có cầm chiếc điện thoại di động nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo liền điều khiển xe áp sát, dùng tay trái chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của ông Kim T.H, sau đó tăng ga bỏ chạy. Ông Kim T.H đuổi theo, dùng tay kéo đuôi xe lại làm cho xe bị ngã xuống đường. Lúc này có các cán bộ Công an Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 cùng người dân đi đường trông thấy sự việc nên đã bắt giữ bị cáo cùng phương tiện và tang vật, giao cho Công an Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Trong quá trình bị tạm giữ ở công an phường, lợi dụng sự sơ hở của các cán bộ trực bị cáo đã bỏ trốn, đến ngày 05/3/2020 thì đến cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như nêu trên.

Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Kim T.H là chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu đen đã qua sử dụng, theo kết luận định giá thì tài sản này trị giá 5.428.000 đồng. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn Đ về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Bản Cáo trạng số 326/CT-VKS-P2 ngày 16 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ tội danh

“Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố, nêu lên các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù. Đề nghị trả lại cho chị Bùi Kim C chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59L2-AAA.BB; trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động. Về trách nhiệm dân sự, bị hại - ông Kim T.H - đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án - chị Bùi Kim C - trình bày cho bị cáo mượn chiếc xe chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59L2-AAA.BB sử dụng, không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội và xin nhận lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định, vào khoảng 15 giờ ngày 04/01/2020, tại trước nhà số 95 đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô hai bánh áp sát vào ông Kim T.H - đang đi bộ trên lề đường - dùng tay trái chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trên tay của ông Kim T.H rồi nhanh chóng tăng ga xe bỏ chạy nhưng đã bị bắt giữ. Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông Kim T.H là một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu đen, đã qua sử dụng; theo Kết luận định giá tài sản số 2941/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố

tụng hình sự cấp thành phố, thì chiếc điện thoại này trị giá 5.428.000 đồng.

[3] Thủ đoạn công khai, bất ngờ giật lấy tài sản của người khác có giá trị như nêu trên, rồi nhanh chóng tẩu thoát mà bị cáo thực hiện đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời:

3.1 Hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

3.2 Ngày 08/7/2008, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2008/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2011 nhưng đến nay vẫn chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích đối với bản án này. Như vậy, bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh “Cướp giật tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, “Tái phạm nguy hiểm” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định.

[4] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu đối với tài sản của công dân. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn chưa chịu sửa đổi. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, vì tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”, bị cáo đầu thú. Những tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu đen, đã qua sử dụng: là tài sản bị chiếm đoạt, đã được thu hồi trả lại cho bị hại - ông Kim T.H. Việc giao trả này là đúng, đồng thời bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59L2-AAA.BB là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe này thuộc sở hữu của chị Bùi Kim C, chị C cho em rể là bị cáo mượn sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại xe cho chị C.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại M20 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh: những tài sản này không chứng minh được liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn Đ;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2020.

2. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho chị Bùi Kim C: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario, biển số 59L2-AAA.BB.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại M20 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 240-36 ngày 16/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại